

Những chiến sĩ vô danh

PHƯỚC TUY LỬA MÁU

1862 – 1962

NIHIL OBSTAT

Saigon die 8 – 7 – 1960

Paulus MUỖI

cans – del

IMPRIMATUR

Saigon die 8 – 7 – 1960

Joshep THIÊN

vic – del



LỜI TỰA

Lật qua trang sử nước nhà, chúng ta thấy nhiều gương anh hùng, liệt nữ. Tâm hồn Hồng Lạc khi nghe nói đến tên tuổi Trưng Nữ Vương, Trần Hưng Đạo, Bình Định Vương, v.v... không lý do nào mà không hãnh diện. Ngọn lửa gia tộc, trước những chiến công oanh liệt ấy, phải bùng lên rực rỡ trong tâm não chúng ta.

Nhưng biết bao những chiến sĩ vô danh, “lửa hương vẹn kiếp, sắt đá bền gan...” đã ngã gục nơi sa trường, hy sinh xương máu để bảo vệ non sông, xây đắp nước nhà. Những chiến sĩ vô danh này lại là đại đa số. Người thời nay dầu không chú ý đến, nhưng hồi nghĩ lại, chắc cũng phải bùi ngùi thương nhớ kính trọng.

Đó là đối với Quốc gia. Còn đối với Giáo hội?

Hiện nay, Giáo hội Việt Nam, nhờ nơi mầm giống hy sinh tử đạo mà nảy nở, người Công giáo lẽ nào lãng quên những tấm gương oanh liệt dũng cảm.

Năm 1959 và đầu năm 1960, hưởng ứng lời hiệu triệu của Giáo quyền, gần như các khu vực Công giáo đều có những cuộc lễ long trọng, kiêu rước di hài các Đấng Tử đạo đã được tuyên phong. Nhưng vẫn còn cả 100 ngàn chiến sĩ khác, thân xác đã mỗi mòn tiêu hao ở nơi rừng cao nước độc, phải vùi thây nơi chốn lưu



đầy. Có người phải lưỡi gươm bạo tàn sát hại trên con đường bôn tẩu, có người chết rũ tù..., có người phải hỏa thiêu... Dầu vậy, tín ngưỡng không sao lay chuyển.

Mộ chiến sĩ vô danh cũng phải được chúng ta biểu dương, khen phục.

Vì vậy mà có những trang sau đây để kỷ niệm **bách chu niên** vùng PHƯỚC TUY lửa máu.

Những chiến sĩ vô danh có khi chính con cháu cũng không biết đến tên tuổi, hướng hồ là khách tha phương. Nhưng thử hỏi: nếu không có dòng máu tử đạo đượm thấm tổ hương, nếu không có những của lễ toàn thiêu bay thấu Tòa Chúa, thì Giáo hội Việt Nam hiện nay thế nào?

Tertullianô đã nói: Máu Tử Đạo là mầm giống sinh ra tín hữu.

Con cháu của Đấng tử đạo đã đành, mà cả những người tân tòng, cũng nói được là dòng máu tử đạo đang lưu thông trong huyết quản của mình. Nhờ dòng máu đó mà chúng ta sinh trưởng trong Đạo thánh Chúa.

Ta quên tiền nhân của ta chăng?

Tâm hồn trọng hiếu của Việt Nam không cho phép chúng ta chìm sâu hình ảnh người xưa vào dĩ vãng: cái chí, cái hạnh của cha ông cần phải hiện diện



trước mắt chúng ta, nhất là trong thời đại vật chất hiểm nguy này.

Nhiều quyền rũ, nhiều mưu cơ... rồi biết đâu ngày nào hoàn cảnh đổi thay, chúng ta lại lâm vào tình trạng như cha ông thuở trước và có khi tình trạng đó lại bi đát hơn nữa! Với mảnh khốe tân thời, đôi phương có thể làm cho ta không thể nên tử đạo, mà chỉ là một người tử tội. Đức tin chúng ta cần phải vững chãi.

Nhớ cha ông là khơi lại ngọn lửa tin tưởng cho nhiệt nồng.

Nhớ cha ông là nhớ đến nghị lực của chúng ta.

Nhớ cha ông là nghĩ đến phận sự phải sống xứng đáng với tiền nhân.

Nhớ cha ông là tưởng đến tương lai, cần phải noi dõi tổ tiên, để xây đắp Giáo Hội Việt Nam ngày càng tươi sáng.



ĐOẠN THỨ NHẤT

VÀI HÀNG LỊCH SỬ

Phước Tuy, trước là Bà Rịa, một tỉnh miền đông Việt Nam.

Khách du nhân, những ngày nghỉ lễ tấp nập ra Vũng Tàu- Long Hải. Khi xe chạy khỏi Long Thành chừng 17 cây số thì đến ranh giới Tỉnh Phước Tuy.

Nếu không có con đường tráng nhựa, thì khách có thể lạc lõng giữa một dải rừng già. Tuy đất đai không mấy phì nhiêu, nhưng cỏ cây hấp thụ sinh lực, thanh khí thiên nhiên, đua nhau mọc lên chằng chịt. Thỉnh thoảng lại có một cánh đồng hoang lưa thưa những cỏ cần hoa dại. Xa xa lại điểm một vài đồi núi xanh rì.

Hình ảnh đó có thể kêu gọi lại địa cảnh thời xưa.

Một dải đất, đầu lưng với tỉnh Biên Hòa, kề mặt với vịnh Gành Rái và Nam Hải, lại dựa vai với tỉnh Bình Thuận... Thời trước chỉ là một khu vực của người Miên dùng làm trái độn, đỡ cho nhẹ bớt những cuộc tấn công của người Chăm, một dân tộc thù địch truyền thống của họ.

Chính người Miên đã không chú trọng đến miền này, vì gần như không còn di tích chi ghi lại dấu tích của họ. Có lẽ chỉ còn lại Bàu Voi hay Bàu Thành, cách chợ Long Điền chừng 1000 thước; tương truyền cho rằng Vua Miên dạy đào bàu này để cho voi tắm.



Còn người Chăm, trong giai đoạn tranh đấu xâm chiếm Cao Miên. Chỉ mượn con đường Phan Thiết, Biên Hòa, hay đi đường biển; còn Phước Tuy kể là hoang địa, dân cư gần như không có, nên họ cũng không thèm để ý đến.

Dân chúng địa phương, có lẽ là dân tộc từ quần đảo Mã Lai sang định cư từ nhiều thế kỷ trước. Hiện thời vẫn còn vài làng người Thổ tượng trưng.

Nhưng vào thế kỷ XV, trước lực lượng Nam tiến của dòng Việt, nước Chăm phải tiêu diệt, độ năm 1471. Từ đó Việt Nam giáp giới với Cao Miên, và cũng từ đó khởi điểm một cuộc xâm chiếm hòa bình.

Người Miên quá an tĩnh, lại đất nước của họ có những cánh đồng bao la, dân số lại ít, nên cái vùng rừng núi này không có chi quyến rũ họ; họ không khai thác ruộng nương rẫy bái chi cả.

Trái lại, dân Việt quê Bình Định- Quảng Ngãi... khu đất trống trọt khá hẹp hòi, lại không được phì nhiêu, phải tranh đấu cho cuộc sinh hoạt hằng ngày, nên họ đổ ra đi tìm đất mới. Họ đến vùng Phước Tuy tìm những nơi dễ sinh sống hơn. Họ định cư ở Long Điền, An Ngãi, Chợ Bến. Còn ai theo ngư nghiệp thì ở dọc theo bờ biển Phước Tỉnh, Phước Hải.

Có lẽ cuộc làm ăn trong khu vực mới này khá thịnh đạt, nên thu hút được nhiều người đến lập nghiệp, ngày một đông.



Năm 1658, chánh phủ Việt Nam lợi dụng tình trạng sẵn có, lại viện lẽ bảo vệ quyền lợi Việt kiều, đưa quân đến chiếm. Vua Miên là Nặc-Ông-Chân xua binh kháng cự, nhưng đồn Mô xoài (Phước Tuy) bị 2000 chiến sĩ Việt Nam triệt hạ, lại bắt được cả Nặc-Ông-Chân, triều đình Việt Nam phóng thích vua Miên, nhưng lại buộc hàng năm phải triều cống.

Năm 1701, Việt binh lại xâm chiếm cả miền Nam, nhưng thất trận ở Kompongcham. Dầu vậy vẫn chiếm giữ Sài Gòn, Biên Hòa, Bà Rịa. Năm 1765, thôn tính xong Nam bộ và đặt cơ quan hành chính.

Trong giai đoạn Tây Sơn và Nguyễn Ánh tranh quyền, Phước Tuy phải trải qua những hồi điều đứng, lúc thì vào tay Nguyễn Ánh, lúc lại thuộc quyền Tây Sơn. Đổi chủ cách đó, tất nhiên dân chúng địa phương, nhất là miền Duyên Hải, phải hứng chịu ảnh hưởng chiến tranh, làng Phước Tỉnh hiện nay vẫn còn di tích cuộc Tây Sơn đốt phá.

Thời kỳ Vệ hứý KHÔI phản kháng bản án bất công của Triều đình đối với LÊ VĂN DUYỆT, đứng lên gây loạn, kêu gọi dân chúng gia nhập phong trào chống đối, Phước Tuy đã hưởng ứng, hay ít ra cũng tìm nơi tá túc cho binh đội của Khôi. Trong số người hưởng ứng, theo lời một tác giả, thì có một nhóm người Công giáo; nhưng thiết tưởng không có tài liệu chắc chắn. Vua Minh Mạng, cùng một lượt, ra lệnh dùng thủy lục quân tấn công hai mặt và tàn phá những làng cạnh bờ biển Phước Tuy. Dân chúng lại phải trải qua một cơn máu lửa !..



PHƯỚC TUY :

ĐỊA HẠT CÔNG GIÁO TRƯỚC NĂM 1862

Nguyên khởi

Phước Tuy đã thọ hưởng Phúc âm từ bao giờ thì không có tài liệu chứng tỏ. Lối năm 1879, có người cố công điều tra những ông già bà lão trong xứ, nhưng không ai nhớ được những họ đã đạo khởi lập từ ngày nào.

Có người cho rằng: Phước Tuy đã được truyền bá Phúc âm từ lúc các thừa sai ngoại quốc vừa đặt chân vào Nam Việt, các nhà thừa sai không được thiện cảm của triều đình; nhưng Phước Tuy là một vùng xa xôi hẻo lánh, có lẽ dễ bề truyền đạo hơn.

Hoặc giả: trong giai đoạn xâm chiếm hòa bình vào miền Nam, khoảng cuối thế kỷ XV, người Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng nam đến Phước Tuy; trong số đó có người Công giáo, trước tình cảnh bị ngược đãi, thì tìm nơi xa vắng để dễ bề giữ đạo và sinh sống. Sẵn có một nhóm tiên phong, rồi thì nhiều người khác cũng đến lập nghiệp trong vùng, để tránh cơn bắt bớ. Tương đối, giáo hữu vẫn được bình yên.

Chắc chắn vào năm 1862, có một khu vực truyền giáo khá quan trọng ở vùng Phước Tuy.

Tình trạng

Trước năm 1862, Họ Bà Rịa (Phước Lễ) không phải là họ chánh trong địa hạt.



ĐẤT ĐỎ- Họ chánh là Đất Đỏ, cách tỉnh lỵ Phước Lễ 11 cây số. Họ này được chừng 1100 giáo hữu ở rải rác trong ba làng: Phước Tuy, Phước Thọ và Thạnh Mỹ, nhà thờ cất trong làng Thạnh Mỹ. Và hiện nay sau những biến cố thăng trầm, lúc phải triệt hạ, lúc phải dựng lên, nhà thờ vẫn sừng sững đứng trong làng Thạnh Mỹ này.

Họ Đất Đỏ có Cha thường trực. Nhưng Cha nào đảm nhận trách vụ lúc sơ khởi thì không biết được. Chỉ biết rằng đời Gia Long có một Cha; người thì nói Cha Giacôbê, kẻ lại nói là Cha Điền dòng Phanxicô; nhưng không biết Cha Giacôbê và Cha Điền có phải là một Cha hay không ?

Lúc trước cạnh nhà thờ có một cây dương rất cao; có người nói của Cha Giacôbê trồng, người khác nói của Cha Điền. Cây dương này thâm niên lại rất cao, người trong làng ở tại một địa điểm rất xa cũng thấy được ngọn; vì thế mà người ta cũng kêu nhà thờ Đất Đỏ là nhà thờ cây dương. Nhưng đến trận bão năm Thìn (5-5-1904) cây dương đó tróc gốc.

Nhà thờ Đất Đỏ cũng như các nhà thờ khác, khởi điểm sơ sài nhỏ hẹp. Trong nhà thờ cũ có chôn một cha bản quốc; không biết Cha nào. Lần lượt số giáo hữu gia tăng, nhà thờ cũ lại xiêu đổ nên phải cất ngôi thánh đường mới. Có lẽ do sáng kiến của Cha Điền; ngài lợi dụng tình thế tạm yên đời Gia Long, xây cất một ngôi thánh đường xứng đáng.

Theo khẩu truyền thì Nhà thờ đó rộng rãi, xinh đẹp, đúng kiểu Việt Nam. Bây giờ thấy còn lại những khuôn đá



táng và những tảng đá lót vòng quanh nhà thờ, cũng đoán được đó là một công trình khá vĩ đại.

Tại Đất Đỏ lúc bấy giờ có lẽ có trường học do các dì Dòng Mến Thánh Giá đảm nhận.

Từ Đất Đỏ, Phúc âm rọi ánh trên các làng gần đó.

THÔM- Tiến về phía Bắc độ 5,6 cây số, được chân lý đã nhen nhúm trong hai làng Long Nhung và Long Hiệp (về sau nhập lại làm Long Tân); thường gọi là họ Thôm, tổng số giáo hữu chừng 500.

DINH- Từ Đất Đỏ nhìn về phía tây độ 10 ngàn thước thì có họ Dinh. Kêu là họ Dinh, vì họ ở gần cạnh chân núi Dinh. Cũng có lẽ vì là nơi có nha môn, có huyện phủ, có quan nhị phẩm cai trị, lại có dinh thự của quan liêu, cho nên gọi là họ Dinh.

Mặc dầu ở cạnh cửa quyền chống đối với Công giáo, nhưng đạo Chúa vẫn len lỏi vào, tuy không chen chân được trong những dinh thự, nhưng đã có 400 giáo hữu rải rác trong khắp làng Phước Lễ.

Theo khẩu truyền của một gia tộc thì tiên nhân của gia tộc này là tiên hiền làng Phước Lễ, nghĩa là người tiên khởi lập làng. Hai ba thế hệ sau, làng vẫn giữ cái tục lệ kiến mần tiên hiền cho con cháu trong những buổi cúng kiêu, cho đến lúc ngành trưởng trong gia tộc di cư về Long Điền thì lệ đó mới chấm dứt.

Về sau họ Dinh một ngày một thịnh, trở thành họ chính trong địa hạt. Hiện nay là Họ Bà Rịa tại tỉnh lỵ Phước Lễ.



THÀNH- Giữa Đất Đỏ và Phước Lễ, có một họ khác gọi là Họ Thành hay Long Điền, lấy theo tên chợ gần đó, nhưng tại sao kêu là Họ Thành, Chợ Thành thì không rõ.

Long Điền là một khu vực phì nhiêu nhất và là trung tâm thương mại của Tỉnh. Dân cư chú trọng đến sinh nhai, đến vấn đề kinh tế, không quan tâm đến đạo đức. Thuở đó chỉ được 200 giáo hữu, mà cho đến nay không tiến triển chi cho lắm.

GÒ SÂM- Về phía Đông Đất Đỏ độ 9,10 cây số có Họ Gò Sầm, tuy thuộc làng Thạnh Mỹ hay Phước Bửu, nhưng thật ra là một khu rừng giữa Nam Việt và Bình Thuận, chỉ quy tụ được chừng 100 giáo hữu. Vì là một chốn rừng cao, nước độc nên số giáo hữu không thêm mà ngày càng bớt.

LONG KIÊN, LONG XUYỀN- Theo những tài liệu còn lại thì có hai Họ nữa: Từ Long Tân đi vòng về Phước Lễ, khoảng giữa có hai làng Long Kiên và Long Xuyên, hai nhóm nhỏ Công giáo ở đó; nhưng lúc bắt đạo, họ trốn đi tản mác trong các Họ lớn.

Đương đầu với ngược đãi

Đời Gia Long; giáo hữu được thờ một làn không khí an tịnh và ra công xây dựng kiến thiết, nhưng chỉ là một giai đoạn ngắn.

Đời Minh Mạng, cuộc bách hại khai mào và tiếp tục mãi dưới thời Thiệu Trị, Tự Đức.

Giả thuyết cho rằng Công giáo gia nhập dư đảng Vệ úy Khôi, thiết tưởng không có căn bản. Bởi vì lúc tàn sát



binh lực của Khôi, không thấy nói đến cuộc giết hại giáo hữu. dưới chế độ quân chủ độc tài, mang tội phản loạn thì khó chạy khỏi bản án tru di; lại bè phái không dễ gì sinh sống an nhiên. Thời kỳ đó chỉ ghi lại những cuộc đốt phá nhà thờ thôi.

Một sắc chỉ của Minh Mạng ra lệnh triệt hạ các nhà thờ. Riêng về nhà thờ Đất Đỏ, chánh quyền tịch thu, dỡ về làm lẫm lúa cho đồn binh ở tại Dinh. Còn về sinh mạng thì không có người chết vì đạo.

Bởi không có nơi thờ phượng, lại cấm hội họp, nên chi giáo hữu phải lén lút. Giữ các Cha trong Họ là cả một vấn đề, Cha thừa sai ngoại quốc khó giữ đã đành, mà chấp chứa một Cha Việt Nam cũng không phải là dễ. Dầu vậy, trong cả địa sở, bôn đạo vẫn vững tâm trải qua cơn ngược đãi. Bề ngoài tuy giữ đạo khó khăn, nhưng bên trong vẫn thịnh đạt, vì giáo hữu bền lòng chịu gian lao khổ nhọc, siết chặt tình thân yêu lại nâng đỡ nhau phần hồn phần xác.

Giai đoạn ngược đãi này có hơn 30 năm, tuy nhiều trở ngại nhưng vẫn có những linh mục hy sinh ẩn núp giúp đỡ giáo dân. Người ta còn nhớ được tên những Cha Kiêu, Tùng, Hạp, Hiền, Trí.

Dưới đời Thiệu Trị, có ông lái Gầm (Á thánh Gầm) gốc ở làng Long Đại, Gò Công gần Thủ Đức, nhưng cưới vợ ở Thành, ông về quê vợ và gia nhập Họ Long Điền. Ông là tay lái sành sỏi lại can đảm, nên Địa phận ủy thác cho trọng trách vượt trùng dương sang Tân-gia-ba, rước Đức Cha Lefèvre về Sài Gòn. Nhưng ngày 7-6-1846 ông



bị bắt lúc thuyền đang ngược sông vào Sài Gòn. Gần một năm sau, ngày 11-5-1847, ông bị trảm quyết.

Tại Đất Đỏ cũng có ông Trùm Sĩ, gia đình khá giả, xung quanh nhà ông có rào giao kín đáo để bề ả núp. Ông đã rước Đức Cha Gioan Miche trốn tại nhà ông một ít lâu, ông cũng đào một cái hầm bí mật, hễ động dụng chuyện gì thì đem Đức Cha xuống trốn. Dầu vậy đối phương cũng hay, ông đã liệu đưa Đức Cha ra Phước Hải và thuê thuyền chở người ra khỏi nước. Đức Cha thoát được, còn chính ông lại bị bắt và cầm tù tại Biên Hòa, ông đã chết trong ngục.

Cơn bách hại này như rèn luyện giáo hữu Phước Tuy để chịu những cuộc tàn sát về sau.

ĐOẠN THỨ HAI

HAI NĂM LỬA MÁU

1861 – 1862

Nguyên nhân cuộc bách hại

Hai năm trước, binh Pháp và Tây Ban Nha viện có bảo vệ các nhà thừa sai thuộc quốc tịch của họ, nên đến chiếm Sài Gòn.

Chánh quyền thời đó không đủ binh lực, lại bỏ ngỡ trước hỏa pháo của đối phương nên đành thúc thủ. Dầu vậy, vẫn ngầm ngầm hoạch định mưu lược phản công, quyết dành lại hai tỉnh Gia Định và Định Tường. các tướng lãnh mộ binh và đồn trú tại Biên Hòa.



Nhưng trước khi phản cung, họ thực hiện câu: tiền sát tả, hậu bình tây (trước giết người tả đạo, sau rồi mới đánh dẹp ngoại xâm của phương tây).

Vua quan thời đó ngờ vực người Công giáo theo tây, cũng có lý phần nào. Bởi vì Công giáo bị bách hại, tự nhiên mong nhờ một lực lượng nào đó giải thoát; nhưng tích cực tham gia công việc chống chính quyền, chắc chắn đầu có chẳng nữa cũng là một thiếu sót, không theo đường lối chính đáng của Công giáo.

Thời đó tỉnh Biên Hòa có một số giáo hữu khá đông, phân tán trong các khu đông người. Độ tháng 8 năm 1861, có sắc chỉ truyền cho các làng phải kiểm tra tổng số nam phụ lão ấu Công giáo. Vùng Phước Tuy lại được lệnh cấp tốc làm bốn cái khám.

Kiểm tra xong, nhà chức trách cứ chiêu theo danh sách lùng bắt giáo dân đem nộp cho Cai tổng. Đến tổng thì giáo hữu phải đóng trãng và thích tự hai bên má: một bên chữ Biên Hòa, một bên chữ tả đạo. Họ có ý lảng nhục giáo hữu, và giả như có ai lẩn trốn thì cũng không sao tránh được con mắt chính quyền. Thích tự như thế còn mãi.

Những hạng cao niên sống hiện giờ trong những Họ Bà Rịa, Đất Đỏ, lúc xuân thời đã thấy được một vài người bị thích tự còn sống. Nhưng dấu thích tự không còn là một dấu hổ nhục, mà là những nét vinh quang anh dũng, con cháu nhìn vào là kính cẩn khen tặng.



BỐN NGỤC THẤT

Có nhiều giáo hữu khôn khéo và cũng nhờ người lương che chở, nên tránh được cuộc kiểm tra danh sách. Nhưng số bốn đạo bị bắt độ 700 người thuộc 5 sở họ.

700 người này bị giam trong bốn cái ngục, bốn nơi xa nhau;

1) Ngục chánh tại làng Phước Lễ, cách dinh quan Phủ chừng 200 thước. Theo khẩu truyền, chính chỗ nhà thờ đất thánh bây giờ. Nhưng cũng có người nói: nhà ngục ở trong vùng đất sau bệnh viện Phước Lễ, kêu là Khổ Sơn. Danh từ Khổ Sơn (Núi khổ) cũng nói lên được tình trạng xưa kia một phần nào. Ngục này giam 300 đàn ông, còn ba ngục kia thì giam đàn bà và trẻ con.

2) Ngục thứ hai Cách ngục Phước Lễ độ 3,4 ngàn thước dọc theo con đường Bà Rịa – Xuân Lộc. Về sau chính trong khu vực nhà ngục này, các bà dòng Thánh Phao lô đã mở một cô nhi viện và chuyên trồng tiêu nên người ta gọi là Vườn tiêu hay là Sở tiêu; nhưng một thời gian sau, vì thiếu phương tiện sinh sống nên đành phải bỏ dở. Lại có một bụi tre mà thiên hạ gọi là «bụi tre ngục»; nhưng với những biến cố vừa qua, binh Pháp đóng trong khu vực này, cái di tích ấy cũng không còn. Ngục thứ hai này giam 135 người.

3) Ngục thứ ba cách Phước Lễ 5,6 ngàn thước, bên phải con đường Phước Lễ đi Đất Đỏ, trong làng Long Điền. Hiện nay người ta nhận định được nơi nhà ngục này trong khu vực đất thánh Long Điền. Ngục này giam 140 người.



4) Ngục thứ tư trong làng Phước Thọ, vùng trung tâm Hộ Đất Đỏ, nhốt một số đàn bà trẻ con độ 125 người.

Tổng số những người bị giam trong bốn ngục là 700.

Trong mỗi ngục đều có lính canh nghiêm ngặt. Có đội cai điều khiển một toán lính, và họ mặc tình hà khắc. Lúc đầu có vài giáo hữu còn có tiền bạc, đút lót cho họ chút đỉnh thì họ nói tay; nhưng rồi tiền bạc cũng hết, nên phải chịu cùng số phận với những người khác.

Nhất là trong ngục đàn ông ở Phước Lễ, họ hết sức tàn nhẫn. Nhưng trong ngục nào cũng thế, hễ có thân nhân đem vật thực đến thì chúng chặn lại lấy phân nửa. Chúng cũng bắt mọi người ở mãi trong ngục, không được nói ra nửa bước. Đại tiện tiểu tiện ngay trong tù. May lắm mới mượn được một vài đũa nhỏ ở ngoài vào hốt đồ.

Trong không khí ngột thở ấy, lại nhằm mùa mưa (vào khoảng tháng 9), nhà tù không có vạt phen chi cả, phải nằm ngủ dưới đất, nên có rất nhiều người thọ bệnh mà bỏ mình. Dầu vậy, trong số này không nghe nói ai nản chí bỏ đạo.

Trong ba khám giam phụ nữ và trẻ con, lính canh tuần có phần dễ dãi hơn. Nhờ đó Cha Trí giả dạng đi buôn, gánh hai đầu hai tìn nước mắm vào bán trong ba ngục này để thăm viếng và ban phép Bí tích. Cũng có người khác gánh vật thực vào bán, nhưng thật ra họ dấu tiền trao cho tù nhân để trả.

Ông bà xưa cũng thuật lại: có một người đàn ông bị nhốt trong khám Phước Lễ; bà vợ với đứa con còn bồng



trốn thoát được. Bà này chạy được 30 quan tiền, mong nhờ đó giải thoát cho chồng (một tiền là 60 đồng kẽm, một quan 10 tiền). Nhưng người chồng nghĩa khí ấy cho rằng việc làm của vợ là không chính đáng, nên không nhận đề nghị của vợ, một đành ở lại trong ngục chịu đau khổ và chịu chết vì Chúa.

Đến khi Pháp chiếm Biên Hòa thì chánh quyền địa phương Phước Tuy lại ra lệnh chặt gai chèn nè bỏ vi bốn khám, một phần để cho tù nhân khó trốn; phần khác họ có ý hiểm độc là hễ động dụng là có thể phóng hỏa thiêu sinh.

444 người chết thiêu ngày 7-1-1862

Từ tháng 9 năm 1861 cho đến tháng Giêng năm 1862, dằng dằng hơn ba tháng trường phải gian truân khổ nhục, rồi cái ngày hy sinh đã đến, để chấm dứt mọi nỗi tận toan trần thế.

Người Pháp viện cớ giải phóng giáo hữu, đưa binh đến chiếm Phước Tuy. Ngày 7 tháng Giêng dương lịch năm 1862, ba chiếc tàu thiếc ngược dòng sông Dinh vào Phước Lễ một khoảng sông có hai ngả (Cỏ May), một ngả vô Phước Lễ, một ngả vô Chợ Bến. Nhưng rạch hào quân ta đã bỏ đá hàn sông nên Pháp phải rẽ qua Chợ Bến, gặp lúc nước ròng sạt, đồ bộ không được, họ chỉ phái một toán binh dò thám. Hồi bốn giờ chiều, toán này đã tiến đến vùng cầu Thủ Lựu, cách chợ Phước Lễ hiện nay chừng hai cây số. Họ không xa ngục đàn ông bao nhiêu; nhưng họ phải chạm một lực lượng chống đối khá quan trọng, nên đành rút lui lên tàu và chờ lúc thuận tiện hơn để đổ bộ cả binh đội.



Quân ta tuy chặn được đoàn dọ thám, nhưng nhận biết sức mình không đương đầu nổi với súng đạn của đối phương nên không tấn công địch, chỉ dừng lại phòng thủ. Nhưng phòng thủ để kịp giờ phóng hỏa bốn ngục thất giam cầm giáo hữu, hầu làm hiệu lệnh triệt thoái.

Giữa cái đêm âm u ảm đạm ấy, người ta thoát thấy phía mấy cái ngục có những ngọn lửa bốc lên... giáo hữu hết sức đau lòng, vì biết rằng những người bị giam cầm đã phải làm mồi cho ngọn lửa vô nhân tàn bạo.

Tuy nhiên nơi ngục đàn ông (Phước Lễ) cũng có người tông cửa, tuôn lửa chạy ra thoát được độ 10 người. Đồi Cha Y (Errard), những người này còn sống, còn bốn chữ thích tự trên má, chính họ thuật lại: Trước khi phóng hỏa, toán lính bao vây xung quanh ngục, chong mũi giáo tới trước phòng thủ. Nếu có ai chạy ra ngoài thì họ đâm rồi vít trở vào lửa. Vì thế, không mấy người thoát được.

Còn ba ngục đàn bà và trẻ con (tổng số 400) cũng bị đốt một lượt đó; nhưng binh lính thương tình, phá cửa hay mở cửa cho họ chạy. Chỉ có bà mẹ bận bịu con dại, chậm chân bối rối nên cả mẹ lẫn con đều bị chết cháy.

Riêng ngục Long Kiên thì phụ nữ chết nhiều, vì có một tên đội tham tàn, chặn họ lại để giết của. Ngục này giam 135 người, mà chết hết 106 người.

Tổng số người chết trong ngục ba ngục đàn bà và trẻ con là 156; thêm vào số 288 người chết trong ngục đàn ông, tất cả là 444 người.



Qua ngày sau (8-1-1862) người ta đến tận ngục Phước Dinh thì chỉ thấy một đống tro tàn và ngổn ngang những xác chết.

Trên tàu Pháp có Cha Croc làm tuyên úy (đến sau Cha được tấn phong làm Giám mục ngoài Bắc). Cha Croc hợp tác với Cha Trí, một linh mục địa phương đã ẩn núp giúp đỡ giáo hữu, cùng lo liệu mai táng hài cốt những người chịu chết vì đạo Chúa. Hai Cha đã bảo đào ba cái huyệt lớn gần bên ngục. Nội ngày đó (8-1-1862) Cha Croc làm phép xác và chôn các đấng ấy trong ba cái huyệt tạm.

Còn về xác các người chết thiêu trong ba cái ngục Long Kiên, Long Điền và Phước Thọ thì không có tài liệu nào nói rõ.

Chúng ta nên lưu ý đến điều này: Trong giai đoạn bị giam cầm bắt bớ và tàn sát này, giáo hữu phận trách chánh quyền, nhưng hằng cảm mến những người lương trong cả phủ Phước Tuy. Những người lương đã không quýnhiều, mà lại tỏ ra nhân đạo sẵn sàng giúp đỡ giáo hữu. Có lúc họ che đậy; có lúc họ đem về nhà cho ẩn núp; họ lai nuôi dưỡng, giúp tiền bạc, cung cấp những nhu cầu. Nhờ đó mà nhiều giáo hữu khỏi bị bắt, và Cha Trí mới còn ở lại trong vùng được, mà chánh quyền không hay biết chi cả.

Một vài tháng tạm yên

Quân ta rút khỏi Phước Lễ, tập trung nơi khu rừng Long Nhung (Thôm). Trung tuần tháng 3 năm 1862, binh Pháp đến tấn công, quân ta lại phải lui dần về Trung Việt.



Những tay ngược đãi đã đi xa rồi, thì giáo hữu tản mác trong thời kỳ bất bớ lại lục tục trở về đất cũ làng xưa, mong gầy dựng lại cơ nghiệp đã bị tàn phá. Họ tản cư đã ngoài sáu tháng; tuy nhờ lòng từ thiện của người lương, nhưng tình trạng của họ rất bấp bênh, không nơi nào gọi là vững chắc.

Tuy nói rằng họ hồi cư, nhưng thật ra giáo hữu phần đông lẫn lộn trong làng Phước Lễ và Đất Đỏ, một số ít trở lại Long Điền, Thôm (Long Tân); còn Long Kiên, Long Xuyên thì không ai về lại nơi cũ.

Trong vùng Phước Tuy số bôn đạo còn lại không tới hai phần ba. Trước cơn tàn sát thì có độ 2300 người, lúc này chỉ còn độ 1500 thôi. Bởi vì lớp thì bị giết hại, lớp lại phải tản cư vì hoàn cảnh hoặc chết vì nạn thiên thời; có người vì cha mẹ chết, mồ côi bơ vơ không nơi nương tựa, phải đi xứ khác hoặc đến Sài Gòn tìm phương sinh sống.

Dầu vậy, Họ Phước Lễ cũng được Cha Trí tiếp tục điều khiển; còn Họ Đất Đỏ thì được Bề Trên cho Cha Hiền đến coi sóc, Nhà thờ Đất Đỏ đã bị triệt hạ, phải nhờ nhà bà Hộ Cửa, chồng bà đã chết trong ngục, bà không thiết chi nữa nên dâng nhà bà làm nhà thờ tạm cho giáo hữu đọc kinh xem lễ.

Cuộc bất bớ tái diễn vùng Gò Sầm, Đất Đỏ

Quân ta không lai đáo vùng Phước Lễ được, nhưng qui tụ trong miền Bình Thuận, lòng những căm thù quân Pháp và chỉ đợi dịp phản công.



Cuối năm 1862, từ Cù Mi, Xuyên Mộc họ tiến vào. Giáo hữu lại phải bỏ nhà cửa di tản lại chạy trốn một phen nữa.

Quân ta tiến tới quá thành linh, nên giáo hữu Gò Sầm không hay kịp, có chừng 20 người (trong số có cả đàn ông, đàn bà) đang gặt lúa ngoài đồng. Họ ào tới bắt, rồi dẫn đến cầu suối Xích Rằm thuộc ngọn Sông Rai; họ xâu hai người nhập một, rồi xô xuống sông chết hết. May ra có một đứa nhỏ 12 tuổi vượt ra trốn được.

Vài ngày sau, bọn đạo Gò Sầm lên đi tìm, gặp lại được 15 xác chết trôi, đem táng trong một huyệt chung. Bây giờ vẫn còn di tích và được giáo hữu tôn trọng.

Chú bé 12 tuổi nói trên, vượt khỏi được rồi lên chạy về Đất Đỏ báo tin cho giáo hữu hay. Giáo hữu Đất Đỏ lúc ấy đang lo làm ăn, nghe tin nguy hiểm, họ vội vàng thông truyền cho nhau để kịp thời trốn tẩu. Họ rủ nhau lên rừng, vì họ tưởng rằng không về Phước Lễ đó là một cử chỉ không theo Pháp; lại họ cũng nghĩ núp đỡ một thời gian, chừng yên ổn rồi trở về tiện hơn. Nào ngờ họ bị săn đuổi như thú rừng, nên phần đông bị bắt và bị thủ tiêu.

Họ Thôm (Long Tân) cũng bị bách hại tàn khốc. Hễ quân lính bắt được người có đạo thì họ xô xuống giếng, mà giếng đất Long Tân thì phải biết! Không phải cạn như giếng các xứ khác, hay như hào ao ở miền Hậu Giang: vì đất gò nông, miệng giếng chừng 1 thước, 1 thước rưỡi, nhưng sâu đến 8,9 thước hay hơn nữa. Dầu vậy lạ lùng thay! Có một chị đàn bà 21 tuổi bị xô xuống giếng mà vẫn được cứu sống. Chị này ngồi trên những xác chết đã thối ròi, không ăn uống chi mà chịu đựng một tuần lễ. Chị



khóc than rên rỉ, chỉ đợi giờ chết, thì may có người đi ngang qua đó nghe tiếng khóc rên, đã kéo chị lên và săn sóc cho khỏe lại. Nhưng cách ít ngày thì chị ấy lại bị bắt và bỏ xuống giếng một lần nữa. Lần này chị ở dưới giếng bốn ngày và cũng được người ta cứu lên. Đời Cha Y (Errard) làm Cha Sở Họ Phước Dinh, có điều tra về các người chết trong vụ bắt bớ, thì chính chị ấy đã đến tường trình câu chuyện của mình.

Lần bách hại này, tuy ngắn ngủi trong vòng một tháng thôi, nhưng giáo hữu phải bị tàn sát gần 200 người. Khi bình yên trở lại, trong cả địa hạt Phước Tuy chỉ còn được 1200 giáo hữu.

Nơi đóng tro tàn

Năm 1863, Cha Hườn (Fontaine) đến thế Cha Trí, cộng tác với Cha Hiền. Cha Hiền đi, rồi đến Cha Công. Sau một thời gian, Cha Hườn lại được lệnh gọi về coi địa hạt Biên Hòa, còn một mình Cha Công ở lại. Cha Công không có sức đảm đương cả địa hạt, nên Đức Cha đã gọi Cha Y đến nhậm sở Phước Dinh (Bà Rịa) vào lồi tháng 10 năm 1865.

Cha Y (Errard) kể được là một ân nhân đặc biệt của Họ Phước Dinh. Khi mới đến Cha lo cấm phòng cho tín hữu. Qua năm sau thu phục được nhân tâm rồi, và cũng biết tình hình địa phương đôi chút, Cha liền khởi sự tra cứu cho biết ai đã chịu chết vì đạo. Cha mời những người thân nhân còn sống đến khai tên tuổi và Cha đã ghi chép để truyện cho Họ Bà Rịa đến nay.

Bản danh sách những kẻ đã chết vì đạo sẽ in trong những trang sau.



Không những ghi danh sách, Cha Y còn liệu lấy hài cốt nơi ba cái huyệt đã chôn các người đã bị chết thiêu ở ngục Phước Dinh, và táng chung vào một mộ phần xây bằng gạch tử tế, chính nơi giữa cái ngục ngày trước. Nhưng Cha vẫn chưa hài lòng.

Mười năm sau, qua những lần Cha di chuyển đến Đất Đỏ, Biên Hòa, Cha lại đổi về Họ Phước Dinh. Rủi gặp một lúc bệnh hoạn cần phải tịnh dưỡng. Cha được Bề trên cho phép đi Hồng Kông. Giáo hữu vì yêu kính Cha nên đã chung đậu dâng cho Cha số tiền 100 đồng, gọi là đỡ phần sở tồn Cha dưỡng bệnh.

Giáo hữu có ngờ đâu người Cha khả ái ấy lại dùng số tiền đó đặt một cái mộ bằng cẩm thạch tại Hồng Kông. Lúc trở về, năm 1871 Cha dựng cái mộ cẩm thạch ấy trên chỗ xây huyệt khi trước. Cha cất một nhà nguyện bao bọc cái mộ ấy. Trong nhà nguyện có bàn thờ, và mỗi tháng Cha đến nơi đó làm lễ một lần; giáo hữu rất thích xem lễ trong nhà nguyện ấy.

Cha Y lại có nhã ý chôn cất hài cốt hai vị linh mục giữa bàn thờ và mộ các đấng chết vì đạo. Một trong hai linh mục đó, có lẽ là một trong những Cha khai sáng Họ Phước Dinh; người già lão trong họ cũng không biết Cha tên gì, nhưng chắc một Cha Dòng, vì khi lấy cốt thì thấy trong hòm chiếc dây đánh tội còn nguyên, một chén Thánh và một hộp nhỏ đen Minh Thánh Chúa (custode). Còn Cha kia là Cha Thiên, cũng là một đấng xưng đức tin vì Chúa, Cha đã lãnh án đày, rồi lúc đi đến Phước Dinh thì qua đời.



Một nhà hy sinh khai sáng Họ đạo, một nhà gần như cùng cảnh trạng với những người đã chịu thiêu sinh, cả hai rất đáng được chôn trong nhà nguyện ấy. Nhưng hiện giờ trong nhà nguyện không còn dấu vết mả hai Cha; chỉ thấy nổi bật lên khuôn mộ cẩm thạch thôi.

Mộ cẩm thạch có khắc những chữ như sau, lời thi ca, một phần dịch câu văn La ngữ, tuy đơn giản, không theo niêm luật, nhưng nói lên được niềm hy vọng, những nỗi gian lao, làm gương cho hậu thế.

I. Phía trên đầu: *Beati qui persecutionem patiuntur propter justitiam.*

II. Phía dưới chân: *Thôm, Đất Đỏ, Thành, Phước Dinh Hội.*

III. Phía bên hữu:

*Hic in spe resurrectionis
Jacent christiani circiter CCC
Qui pro fide incarcerati
Per III menses passi,
Tandem igne perierunt,
Et in loco passionis sepulti sunt
Die VIII Januarii MDCCCLXII.*

IV. Phía bên tả:

*Ba trăm bốn đạo xác nằm đây,
Những trông sống lại hưởng phúc đây,
Vì Chúa tù lao dư ba tháng
Cam lòng chịu chết cháy chỗ này;
Lập mộ táng chung vào một huyết,
Giáo nhơn coi đó nhớ hằng ngày.*



ĐOẠN THỨ BA

THỜI KỲ PHỤC HUNG

Hạng thù địch của Chúa Giê-su thời xưa đã vận dụng tài lực để đóng đinh Chúa trên thập giá. Họ lại niêm phong mộ phần, họ tin chắc rằng họ đã đắc thắng. Họ tưởng ông Giê-su sẽ ôm hận trong năm mò ngàn thu. Nhưng họ không ngờ, vài ngày sau Chúa sống lại với một nhóm nhỏ những người thô sơ, Chúa đã chinh phục thế giới.

Đối với Hội Thánh Việt Nam và riêng cho địa hạt Phước Tuy cũng thế. Triệt hạ nhà thờ, tàn sát giáo hữu, nhưng không thể tiêu diệt được Hội Thánh Công giáo.

Sau những hồi điêu đứng, giáo hữu lại được hưởng cảnh an bình. Phần đông còn bỡ ngỡ, không dám trở về làng xưa, nên ở lại vùng Phước Lễ.

Phước Lễ, nơi có cái ngục quan trọng hơn, số người chịu chết thiêu đông hơn, Phước Lễ từ đó trở thành Hộ chánh trong địa hạt. Đất Đỏ trở thành một Hộ tùy thuộc, nhưng cũng giữ được tính cách quan trọng. Từ hai nơi này, Công giáo lần lượt phục hưng bành trướng.

HỌ BÀ RỊA

Từ năm 1863 đến nay, Hộ này được phước có linh mục thường trực luôn. Thuở đầu, có lẽ vì tình hình chưa mấy ổn định, nên các Cha cứ thay đổi thất thường:

Năm 1863, Cha Trí, Cha Hườn (Fontaine) đến. Năm 1865, Cha Công (Combalbert), đoạn đến Cha Y (Errard).



Thời kỳ Cha Y đổi đi Đất Đỏ (1866) rồi Biên Hòa (1869) thì có Cha Lành (Kerkan) đến nhậm Họ (tháng 4 năm 1868 đến năm 1870). Sau Cha Lành là Cha Thiện (Oscar de Noioberne). Năm 1874, Cha Y lại đổi về.

Phước Lễ được kể là một địa điểm quan trọng, nên có lúc có Cha phó công tác. Trong số các Cha phó có thể kể những Cha Chiêu (Chedal), Cha Nhu (1874-1875), Cha Triết (Boutier) (1877-1879) v.v...

Đời Cha Y, không những ngài thu lượm hài cốt các đáng chết thiêu vì đạo, táng vào một huyệt, đặt mộ cẩm thạch và tạm cất một thánh đường nho nhỏ làm nhà mộ; mà về phần thiêng liêng, dịp toàn xá năm 1876, Cha cũng mở cuộc cấm phòng. Chính Cha đã cất nhà thờ Bà Rịa bây giờ.

Nhà thờ cũ ở cạnh chợ Phước Lễ, có lẽ chỗ nhà công sở. Thời kỳ bách hại, vì nhà thờ không quan trọng, lại ở nơi đông đúc, nên không bị đốt phá. Năm 1866, có thầy thông ngôn tên Phêrô Tạo dâng cho Họ đạo một miếng ruộng. Cha Y dời nhà Cha sở về đó và dựng một nhà nguyện nhỏ cho Đức Mẹ. Ngày thường, giáo hữu đọc kinh xem lễ nơi này; còn Chúa nhật thì tại nhà thờ cũ.

Năm 1877, Cha Y mong cất nhà thờ mới, lại gặp dịp may. Chánh quyền thời đó mở hầm trên núi Dinh lấy đá cất đường đường. Nhưng không biết vì lý do gì lại không dùng, mà dâng cho Đức Cha Colombert. Cha Y được phép chở về sử dụng, ngài lại xuất tiền (theo lời một linh mục già nói: đó là tiền riêng do cha mẹ ngài bên Pháp gởi cho) mua vật liệu. Lại được Cha Thiết (Boutier) có khiếu kiến thiết, cộng tác.



Ngày 21-11-1877, lễ Đức Bà dâng mình vào đền thánh thì đặt viên đá đầu tiên. Giáo hữu rất nhiệt thành, không sợ hao công tốn của, mỗi gia đình đều có người luân phiên công tác.

Đến tháng 10 năm 1878, lợp xong và khởi sự tạm làm lễ trong nhà thờ mới. Tuy nhiên, công việc còn phải tiếp tục công tô, sơn phết cho hoàn thành.

Ngày 14-5-1879, Đức Cha Colombert và Đức Cha Ponviane, Giám mục Địa phận Huế, đến khánh thành, làm phép nhà thờ, dâng kính hai thánh Philipphê và Giacôbê Tông Đồ. Dịp đó Đức Cha cũng ban phép Thêm sức cho Giáo hữu.

Thật là một cuộc lễ tưng bừng, từ xưa đến bây giờ chưa từng có; giáo hữu Phước Tuy rất lấy làm hãnh diện. Có nhiều linh mục và quan khách đến dự.

Ngôi thánh đường Bà Rịa kể được là lộng lẫy, có thể nói là một trong những nhà thờ đẹp nhất ở miền Nam.

Bởi một đồng tro tàn có thể tan bay trước gió, mà để qui tụ được một số đồng giáo hữu, lại mọc lên một ngôi thánh đường to tát..., khi nghĩ đến, lẽ nào chúng ta không kinh ngạc.

Năm 1877, tại họ Bà Rịa có hai trường học: trường nam có giáo viên, còn trường nữ thì Dì Phước Thủ Thiêm đảm nhận.

Năm 1878, Cha Y lập hội Môi Khôi, có chừng 100 người gia nhập. Cha ở đến năm 1887, rồi đi luôn, để lại cho họ Bà Rịa một niềm mến tiếc.



Cha Thọ (Cagnon) tiếp ở Bà Rịa ba năm. Cha mua cho Họ ba quả chuông và khởi sự cất nhà thờ đất thánh lại

Đầu tháng 3 năm 1890, Cha Nghi (Martin) thế Cha Thọ, tiếp tục cho xong Nhà thờ đất thánh. (Nhà thờ này đã hư, và đời cha Gabriel Long cất lại còn đến ngày nay). Cha Nghi cũng cất nhà Cha Sở còn tới bây giờ. Cha cũng điều chỉnh cho các Bà Phước Dòng Thánh Phaolô đến Phước Lễ lập dưỡng đường và dạy trẻ nữ, đến năm 1910 các Bà cũng lãnh dạy luôn trẻ nam.

Sau cha Nghi, cha Hiền (Favier) coi Họ Bà Rịa từ năm 1896 đến năm 1911; Cha Lợi (Bongain) tiếp tục công việc mở mang ở Châu Pha và coi Họ Bà Rịa từ năm 1911 đến năm 1917. Đời Cha Lợi có cất cái lầu chuông (ngay chỗ xây núi Đức Mẹ bây giờ).

Họ Bà Rịa đã có ân hạnh được cha Gioan Baotixita Nguyễn Bá Tông (Đức Việt Nam tiên khởi Giám mục) coi sóc từ năm 1917 đến năm 1926. Công trình kiến trúc của ngài để lại nhiều di tích trong Họ (như trường học, nhà Cha Sở, lầu chuông, nhà tuồng v.v...)

MỞ ĐẠO TẠI VŨNG TÀU, LONG ĐIỀN, PHƯỚC TỈNH, CHÂU PHA

Đầu trong thời kỳ kiến thiết, những linh mục đảm nhận địa hạt Bà Rịa cũng không quên trách vụ truyền giáo

VŨNG TÀU, cách Phước Lễ trên 20 cây số. Khi người Tây Ban Nha đến, họ đã đặt cho một tên đạo đức: Mũi Thánh Giacôbê (Cap-Saint Jacques); nhưng dân chúng gần như toàn thể là người lương, chỉ lẫn lộn một vài gia đình Công giáo thôi.



Tuy nhiên, Cha Y cũng chú tâm đến. Cha cất một nhà tranh ở Bãi Trước, làm nhà thờ tạm và khi có cha nào đến thì nghỉ ngơi đó.

Ngoài giáo hữu địa phương, cũng có một đôi gia đình lính tập có đạo; lại cũng những ghe bầu từ Bình Thuận, Quảng Nam neo lại Vũng Tàu đợi nước, gió. Lúc nghỉ hè, các sư huynh trường Taberd cũng thường đến nghỉ mát.

Cha Y đi rồi, không ai lo cho Vũng Tàu nữa. Đến sau, Cha Lương (Lambert) thăm viếng Vũng Tàu nhiều lần và rửa tội được ít người. Đến khi nhà đương quyền định mở Vũng Tàu làm thương cảng, thì thiên hạ đổ dồn về đó, Pháp có, Việt có. Trong số người Việt làm mướn, có ít người giáo hữu.

Vì tình trạng như thế nên Đức Cha Đê (Dépierre) gửi một Cha Thừa Sai ở luôn tại Vũng Tàu để giúp bôn đạo; và lại sẵn có cha ở tại chỗ, nếu có cha nào muốn đến nghỉ thì có nơi tạm trú. Linh mục đầu tiên nhậm họ Vũng Tàu là Cha Sĩ (Sion) năm 1899.

Nhà đương quyền lấy miếng đất nơi nhà thờ cũ và đổi cho miếng đất ruộng sau dinh hành chánh, lại nhượng cho khu đất mới để cất nhà thờ và vài mẫu đất ở bãi Thùỵ Vân.

Cha Sĩ, người rất nhiệt thành, nhưng không có tài kiến trúc: hai lần cất lên, hai lần sập xuống; đến lượt thứ ba mới xong được một ngôi nhà khá rộng. Một phía để các cha đến nghỉ, phía kia ngài ở, còn khoảng giữa làm phòng cơm, Chúa nhật thì dọn dẹp để làm lễ. Còn ngày thường thì Cha sắp đặt cạnh phòng Cha một nơi làm lễ và giữ



Minh Thánh. Cha cũng dùng việc từ thiện để giảng đạo. Nhà cha đã thành một nơi phát thuốc, một bệnh viện nhỏ. Cha nói rộng nhà bếp ra và đặt nhiều giường để tiếp đón bệnh nhân; hết chỗ thì Cha lại đem lên nhà ngài. Nhờ đó Cha tiếp xúc rất dễ dàng với dân chúng địa phương.

Sự làm lễ trong nhà không thể kéo dài mãi được. Phần khác, các Sư huynh và Bà Phước dòng Thánh Phaolô đều mở trường dạy các trẻ nam nữ. Các Bà cũng lập bệnh viện nữa. Trong một vài tháng, bốn đạo đến cư ngụ tại Vũng-Tàu được chừng 600; vì thế, phải liệu cất một nhà thờ.

Cha Sĩ quyền tiên. Cất tạm một nhà tranh, vách đất, rộng rãi, nhưng không lát gạch. Năm 1905, một phụ nữ Pháp dâng số tiền và yêu cầu Cha bỏ vách đất, xây vách đá Cha rất vui lòng và vội vàng làm cho xong việc. Nhưng rủi, có một tù nơn giúp việc cho Cha, không biết đã bắt bình điều chi, lên vào phòng áo đổ dầu lửa đốt nhà thờ, ngọn lửa đã vô tình thiêu tất cả, chỉ còn trơ mấy tấm vách, vài cây cột nhà thờ. Cha Sĩ buồn lòng quá mà sanh bệnh và phải đi nghỉ ở Hồng-Kông v.v...

Cha Mẫn đến thế. Ngài thấy vách không được chắc nên làm lại tất cả và dời về chỗ nhà thờ bây giờ. Nhưng người thợ lãnh làm nhà thờ phải về Pháp nên công việc lại bỏ dở.

Đến sau, Đức Cha giao việc cất nhà thờ cho Cha Tam (Assou). Trong ít tháng, Cha làm xong và ngày 17 tháng 3 năm 1907, Đức Cha Mão (Mossard) đến làm phép nhà thờ trọng thể.



Nhà thờ Vũng Tàu bây giờ do Cha Thom (Thommeret) cất vào năm 1942; một thánh đường dung hòa kiến trúc Âu-Á và kể được nhà thờ đẹp nhất Việt Nam hiện nay.

HỌ LONG ĐIỀN VÀ PHƯỚC TỈNH – LONG ĐIỀN là một họ cổ cựu, trước cơn bất đạo đã có 200 giáo hữu, về sau tứ tán. Các Cha Sở Họ Bà Rịa cổ công qui tụ, nhưng chỉ có 10 gia đình gồm 60 nam phụ lão ấu. Cha Hiền cấp một nhà thờ cất trường học giao cho Dì Phước Thủ Thiêm, và cũng nhờ các Dì lo việc Hải đồng.

Họ Long Điền cho đến nay không được tiến triển mặc dầu cũng là con cháu các người chịu chết vì đạo. Trong số người chết, tiên nhân của Họ, kể được 35 người đàn ông và 25 phụ nữ.

Đời Cha Nghi (Martin) cũng lập họ Phước Tỉnh. Cha được biết có ít gia đình Công giáo đàng ngoài vào đậu bạc ở Phước Tỉnh làm ăn; Cha liền trừ liệu, lập họ đạo.

Cha Hiền (Favier) mua một sở đất rừng gần bờ biển, và xuất ra số tiền cho họ qui tụ về đó. Cha cũng cất một nhà thờ nơi đất đã mua nhưng bổng đạo lãnh tiền rồi, ai ở đâu cứ ở đó, xa nhà thờ cả tiếng đồng hồ, nên công việc truyền giáo không tiến triển. Tuy nhiên, Họ Phước Tỉnh vẫn còn tới ngày nay.

HỌ THÁNH- THẮT: CHÂU- PHA Tháng chạp năm 1896, Cha Nghi (Marttin) đổi; Cha Hiền (Favier) đến thế.

Cha Hiền là một nhà thực tế. Cha thấy giáo hữu không công ăn việc làm, phải đi làm thuê ở những nơi xa



xôi; không có nhà thờ tất nhiên bề đạo đức có phần lạnh nhạt.

Cha liệu mua một sở vườn tiêu, cách Phước Lễ 3,4 ngàn thước, và đặt cho cái tên Vườn Cứu Thế. Cha mong bổn đạo tỵ hợp làm việc nơi đó, nhưng Họ chuyên làm ruộng, không thích làm công ở vườn; nếu có làm thì đòi tiền công mắt, nên Cha đành bán vườn tiêu lại cho các Bà Dòng Thánh Phaolô.

Các bà này cất 2 ngôi nhà cách nhau 200 thước, khoảng giữa cất một nhà thờ và đưa 100 cô nhi nam nữ đến. Nhưng đến sau, cô nhi viện này không có người tiếp tục việc làm của Bà Nhứt Saturninô, và lại cũng thiếu phương tiện, nên dời đi nơi khác.

Nhưng Cha Hiền không bỏ ý định tìm sinh kế cho giáo hữu. Quý chức chỉ cho Cha một vùng rộng lớn trên xứ người Thượng Bằng La. Cha khẩn trên 600 mẫu, ước mong lập một nơi đoàn tụ giáo hữu trong tình huynh đệ thân yêu, nên Cha đã đặt tên là Họ Thánh Thất.

Có 60 gia đình chịu đến khai mở ruộng đất. Nhưng vì công cuộc khai phá quá nặng nhọc, nhà ở sơ sài, vật thực không có (chỉ dự trữ mắm mặn và gạo thô), lại là nơi rừng cao nước độc, nên nhiều người bị sốt rét. Cày cấy được chút ít thì bị lụt tháng 11, lúa gần chín lại bị gà ăn, nước ngập, hư hại gần hết.

Chỉ còn chừng 30 gia-đình tiếp tục khai phá. Nhưng hoàn cảnh ở giữa rừng, không có linh mục, không có nhà thờ, nhiều người ngã lòng. Cha Hiền xin Đức Cha Mão (Mossard) cho một Cha ở Họ Thánh Thất.



Năm 1903, Cha Chiêu lên ở ít tháng, rồi bị rét phải rút lui. Cha Lợi (Bongain) lên thế. Cha này cất một cái nhà cao rộng lớn, vừa làm nhà thờ, vừa để ở. Nhờ mấy đôi trâu Cha cho lừa từ Bó Mua về Châu Pha, Cha nỗ lực khai phá ráo riết trong bốn năm; bốn đạo thấy đó cũng rán theo.

Nhưng đến năm 1908, Cha Lợi đổi đi; Cha Thiết đến nhận sở, phần không vốn liếng, phần thì thiếu sức khỏe, nên không mở mang nổi; cọp lại ăn hết trúc chục con trâu. Mùa màng thất bát mấy năm liền: hạn thì khô quá, còn mưa thì lụt tràn.

Rốt cuộc chỉ còn chừng 150 người định cư tại Châu Pha; còn mấy người kia hễ tới mùa thì lên làm, hết mùa rút về Phước Lễ.

Người Thượng tại chỗ không ai theo đạo. Công cuộc truyền giáo nơi này không có kết quả.

Về sau, Họ Bà Rịa cũng tìm mở đạo ở Long Hải, lại cũng dám nhận tạm thời một vài Họ nhỏ: Cần Giờ, Thốt Lốt, Đồng Hòa, nhưng không quan trọng.

HỌ ĐẤT-ĐỎ VÀ HỌ THÔM. – Giáo hữu Đất Đỏ, trong cơn bách hại như bầy ong vỡ ổ, không nơi bám chơn nghỉ canh, tản chạy khắp nơi. Năm 1963, tình thế yên ổn rồi, nhưng họ cũng không giám trở về, cứ mãi lo sợ tình trạng bất ngờ năm 1862 tái diễn. Người còn ở tại làng cũng có kẻ đã bỏ đạo cho khỏi bị bắt.

Số bọn đạo ít nên không có linh mục thường xuyên. Còn nơi họ Phước Dinh thì các cha quá bận công việc nên không đến giúp được. Mãi đến năm 1868 cha Y thúc giục



lắm, bốn đạo mới chịu trở về Đất Đỏ, nhưng với điều kiện là phải có một lực lượng tinh thần nâng đỡ, nghĩa là phải có cha ở tại Họ.

Đức Cha sai cha Y đến. Ngày thứ 2 Phục Sinh năm 1868, Cha Y đến nhậm sở và lần lượt qui góp được 400 giáo hữu. Cha đỡ nhà bà Hộ Cửa đã dâng, đem về cất nhà thờ tạm; cha cũng cất nhà thờ tạm; Cha cũng cất một nhà Cha Sở và lần lần Họ đạo ngày một sung thịnh.

Đồng thời Cha Y cũng thu thập bốn đạo họ Thôm (Long Tân) được chừng 200 người.

Nhiều người thuộc hai Họ Đất Đỏ và Thôm tản cư Sài Gòn, rồi ở luôn, không về làng xưa nữa. Có người nói rằng, trong những Họ vùng Sài Gòn, Họ nào cũng có giáo hữu Đất Đỏ và Thôm.

Thời kỳ Cha Y ở Đất Đỏ, bốn đạo Thôm lúc trốn vào rừng được người Thượng tiếp đón nồng hậu, nên đã mời Cha lên sóc của họ. Cha Y hi vọng truyền giáo cho người Thượng; Cha mua vải sồi, vật liệu đem lên tính làm quen với họ. Họ rất niềm nở; nhưng hai tháng sau, Cha lên một lần nữa, không biết vì lý do nào mà họ đổi ý, tiếp Cha rất lạnh nhạt và cũng không muốn nghe nói về đạo nữa. Thế là nguyện vọng giảng đạo cho người Thượng đã không thành.

Năm 1870, Cha Y đổi đi Biên Hòa thì có Cha Sanh (Colson) rồi Cha Cao (Legrand) nhưng hai Cha này ở không bao lâu.



Kể đó 6,7 năm Đất Đỏ không có linh mục. Tuy vậy, năm 1876 là năm Toàn xá, Đất Đỏ và Thôm có tổ chức cấm phòng.

Năm 1877 Cha Thiết (Boutier) đến coi họ ĐẤT ĐỎ; đến tháng 5 năm 1879, cha Sanh trở lại Họ và ở độ 2 năm, thì Cha Công (Combalbert) đổi đến.

Cha Công. Một linh mục hy sinh phần lớn đời truyền giáo của mình cho Họ Đất Đỏ. Cha ở vùng Đất Đỏ từ năm 1880 đến 1906.

Năm 1882, Cha Công nhờ Cha Y vẽ kiêu và khởi công cất nhà thờ. Rủi thay! Quới chức còn theo cổ lệ, tề cột ngắn hơn hai thước. Đã lỡ, phần không tiền mua cột khác Cha xây táng lên cao hơn, nhưng cũng phải chịu nhà thờ thấp thối tối tăm.

Năm sau, Cha lại cất nhà thờ họ Thôm; đá táng và mặt tiền xây bằng đá ong. Lần này có kinh nghiệm, Cha đích thân kiểm soát nên nhà thờ cao rộng, cân đối, đẹp đẽ hơn.

Nhà thờ xong, Cha cất nhà Cha Sở Đất Đỏ: Một nhà vuông, có hàng ba thông hành; nhà này vẫn còn và hiện để các Dì ở.

Vài năm sau, Cha mua cho Họ Đất Đỏ ba quả chuông, cho Họ Thôm một quả. Nhưng chiếc tàu chở chuông Họ Thôm bị chìm ở cảng Aden; sau vớt lên được và đến năm 1890 mới chở về tới.

Năm 1891, Cha Công cất nhà Cha Sở Họ Thôm.

Từ năm 1890, Đất Đỏ đã thành một trung tâm học tiếng Việt Nam cho các vị tân thừa sai, như các Cha Tôn



(Quinton), sau được bầu làm Giám mục Sài Gòn, Cha Tuyên (Thévenin), Cha Lợi (Bongain), Cha Tài (Henry Hay), Cha Lành (Delanges).

GÒ SÂM - Cha Công kiến thiết Đất Đỏ và Thôm, nhưng Cha cũng không quên một nơi đã đổ máu vì đạo Chúa: Họ Gò Sầm.

Năm 1863, Giáo hữu bắt ngờ bị sát hại, người sống sót kinh hãi bỏ cửa nhà, điền viên lần trốn. Lần này đêm được 18 năm trường. Điền đất bỏ đạo bị nhập vào công điền gần hết.

Đến sau, có ông Trùm Vi (Đất Đỏ), làm hương giáo làng Thạnh Mỹ, lên Gò Sầm qui dân lập ấp; nhưng mùa màng mấy năm không khá nên việc không thành .

Đến lúc Tỉnh trưởng Bà Rịa cho tu bổ lại và báo cáo cho dân chúng biết: Ai có đất tổ phụ đã khai phá, nếu con cháu trở về làng, thì nhà nước sẽ cho đứng bộ lại làm ăn. Lúc ấy vài người trở về ra mặt, lại liên tiếp trúng được vài mùa ruộng. Thấy thế người ta tụ đến khá đông và xin chánh quyền cho tách làm làng Long Sơn. Nhưng không bền, vì ít năm sau mất mùa, người ta lại bỏ đi, quan thuế không kham, phải nhập lại làng Phước Bửu.

Trong giai đoạn tách làm làng riêng, có hai anh em Nguyễn Văn Lập và Nguyễn Văn Thân hội đồng đạo để lập Họ. Lại có ông Cả Đắc cất một nhà tranh để nhóm họ, đọc kinh (1878).

Thời kì Văn Thân sát tả, bỏ đạo Bình Định cùng với hai Cha Pháp, Cha Đoài và Cha Đề, trốn thoát và đến tạm trú tại Gò Sầm một năm.



Cha Công thường đến Gò Sầm viếng thăm, thúc giục. Năm 1883, bôn đạo giang tay đóng góp, kẻ ít người nhiều, dâng 460 quan tiền và một xe lúa (50 dạ 20 lít). Lại được dịp may, là có một bữa giáo hữu rủ nhau đi săn, bắt được một ổ cọp bốn con, đem nạp được thưởng 100 đồng. nhờ đó mà cất được nhà thờ ngói.

Tuy có nhà thờ, nhưng bôn đạo ít, dân số không hơn 150 người. Không có Cha ở, đôi khi Cha Đất Đỏ đến làm lễ. Sau Gò Sầm được giao cho Cha Xuyên Mộc; mỗi tuần Cha đến làm lễ một lần. Không có trường học, phải gửi con em đi nơi khác.

Tuy nhiên, bôn đạo chân chất, biết thương yêu nhau, lại nhiệt thành giữ đạo. Mỗi khi Cha đến thì xung tội chịu lễ. Ngày Chúa nhật nào có lễ thì nhà nhà đóng cửa, mọi người đồng đi lễ, lại kiêng việc xác kỹ lưỡng. Tháng trái tim, tháng Thánh Giuse, tháng Đức Bà, tháng Môi Khôi thì cùng nhau kinh sách, không bỏ.

Tại Gò Sầm có cái mã mấy người chịu chết vì đạo, hằng năm đến lễ Các Đấng, giáo hữu dọn dẹp sạch sẽ và chung nhau cầu lễ.

HỌ XUYỀN MỘC- Từ Đất Đỏ, đạo Chúa cũng bành trướng đến Xuyên Mộc, cách xa Đất Đỏ chừng 20 cây số. Cha Công đã khởi lập năm 1886.

Làng Xuyên Mộc là một nơi thu góp dân tứ chiếng, nên không được êm thuận cho lắm. Tỉnh trưởng Bà Rịa gửi đến ba người lính cộng tác với hương chức làng, để định cuộc trị an. Ba người đó là Cai Lang, và hai anh lính Thị và Tiếng, cả ba người là Công giáo. Ba người này rủ



vài giáo hữu Đất Đỏ lên buôn bán, sau này lại thấy đất rộng rãi, dễ làm ăn nên xin Cha Công lập Họ.

Cha Công gửi hai người đi họ Đất, là Phạm Chánh Thị, người Đất Đỏ, và Phạm Đại Giang, người Phú Yên chạy giặc Văn Thân, mới theo đạo. Làng xóm mừng rỡ, chỉ cho một lán tranh rộng lớn giữa làng. Trảng này, thửa khởi lập làng, người ta đã khai phá nhưng sau tranh cỏ mọc nhiều quá, họ chê xấu rồi bỏ.

Làng dốc sức, ba người lính và hai người Cha Công sai đến tận tâm trồng trọt, lại rủ thêm được vài người nữa. Cha Công tới lui, giúp lương tiền, trâu bò, dụng cụ. Được một năm, Cha cất tạm một nhà thờ tranh.

Vài năm sau, giáo hữu được mùa bông đậu, thêm vài gia đình đến nữa. Năm 1889, giáo hữu tụ tập ở Xuyên Mộc được chừng 70 người. Cha Công chắc ý đôi phần nên định cất nhà thờ ngói. Bôn đạo rất mừng, tuy ít người nhưng ai nấy rộng rãi dâng cúng, có bao nhiêu cũng tuôn ra không thương tiếc. Còn thiếu phần nào thì Cha công đài thọ.

Hai năm sau, Cha cất trường học, rước thầy về dạy. Chính Cha phải trả lương, còn làng thì thêm cho hai xe lúa, để con em người lương cũng được đến học. Nhưng cả năm chỉ mở dạy được 6,7 tháng thôi, có năm phải đóng cửa vì con em quá bận đuổi chim, giữ kéc, hay lo việc đồng áng khác, không đến trường được. Hiện thời, có trường học và có Di Phước Thủ Thiêm điều khiển.

Bôn đạo Xuyên Mộc không bao nhiêu, không bao giờ hơn 400 người, nhưng đòi Đức Cha Mão (Mossard) cũng cho một Cha coi Xuyên Mộc kiêm Gò Sầm: Cha Phương, Cha Bar, Cha Phan...



BUNG RIỀNG VÀ LÁNG LỚN - Ngoài Gò Sầm và Xuyên Mộc, Cha Công còn ra sức mở đạo ở Láng Lớn thì hoàn toàn thất bại, chỉ còn cái di tích cái nhà Cha dỡ về làm nhà Cha Sở Đất Đỏ bây giờ.

Họ Bung Riêng hiện nay vẫn còn nhưng kết quả không mấy khả quan.

Theo sổ thống kê trong năm vừa qua, không kể giáo hữu di cư, tổng số bôn đạo thuộc địa hạt Phước Tuy đã 6000 người.

LỜI QUY KẾT

Kinh nghiệm lịch sử 20 thế kỷ đã chứng tỏ: Lửa máu không tiêu diệt được Hội Thánh Công giáo. Dầu cho màn sắt cộng sản có bao trùm thế giới đi nữa thì cũng không sao đè bẹp Đạo Chúa được. Không phải vì Công giáo có tổ chức chặt chẽ, Công giáo có những đầu óc tinh anh, cũng không phải vì thấy quá khứ mà tin ở tương lai. Nhưng Công giáo tin chắc có Thiên Chúa, và cũng chắc chắn Thiên Chúa không để cho Đạo Người phải tiêu diệt.

Nhưng nếu chúng ta nhìn vào kết quả của công việc truyền giáo nơi địa hạt Phước Tuy, thì chúng ta nghĩ thế nào?

Một nhà tai mắt người lương đã nói: Những họ đạo thành lập và tổng số giáo hữu ở Phước Tuy xem ra không cân đối với bao nhiêu cố gắng của các nhà Thừa sai trải qua 3 thế kỷ, và cũng không xứng đáng với dòng máu anh hùng của cả ngàn người đã chết vì đạo.

Tại sao Công giáo không được truyền bá sâu rộng trong dân chúng?



Theo một tác giả, Công giáo không được truyền bá sâu rộng trong dân chúng Việt Nam là bởi vì tín điều Công giáo quá nghiêm khắc, đối chọi với tự nhiên thuyết, linh hồn thuyết, những thuyết truyền thống thâm căn của dân tộc Việt Nam. Công giáo (ở Việt Nam) lại không theo đường lối của Dòng Tên (Dòng Chúa Giêsu) dung chế những lễ nghi xã hội có màu sắc tôn giáo, nên làm cho dân chúng bất mãn. Phần khác, các nhà thừa sai thích phẩm hơn lượng, ít chú trọng truyền bá tín ngưỡng hơn giữ gìn nhóm người đã tông giáo bền đức tin và giữ cho tinh tuyền. Vì thế, Hội Thánh Công giáo Việt Nam chỉ thấy số người Công giáo tăng tiến nhờ sự sinh sản, nhưng không bao giờ dự định được bao giờ sẽ có trường hợp thuận tiện phổ quát trong dân chúng.

Tư tưởng trên đây có phần đúng, mà cũng có phần quá đáng.

Gia nhập đạo, trước tiên là do ơn Chúa; còn truyền bá là phương tiện. Nhưng có một khuyết điểm chúng ta nhận định: Giáo hữu thường quá thụ động và có phần ích kỷ: Giữ đạo mong nương nhờ vào đạo, giữ đạo chỉ để được Chúa chúc lành và được phước ngày sau, chớ chưa ý thức được nhiệm vụ tông đồ của người giáo dân.

Vì thế, dịp bách chu niên các đảng chịu chết vì Chúa trong bốn ngục địa hạt Phước Tuy, chúng ta hãy thành tâm mặc niệm tiền nhân và cố công sửa đổi tâm não. Dịp này nhắc chúng ta nhớ: Giáo hữu không những giữ đạo cho được rồi linh hồn của riêng mình, mà còn phải cộng tác trong việc rao giảng phúc âm, dùng lời lẽ, gương hạnh dẫn dắt kẻ khác. Nhất là đối với những



người lương trong vùng Phước Tuy, để đền đáp tận tình họ đối xử với ông cha ta trong thời kì bách hại.

Như thế, mới trọn phận sự của mình, mới bảo đảm tương lai cho mình, cho Việt Nam và mới xứng đáng mang danh hiệu con cháu các đấng chịu chết vì tử đạo.

Tái bút: Phổ biến tập nhỏ này, chúng tôi mong những ai là con cháu các đấng đã chết trong bốn ngục địa hạt Phước Tuy, và những vị hảo tâm rộng tay chung đậu ít nhiều để tổ chức kỉ niệm bách chu niên (7-1-1862, 7-1-1962).

Số tiền có thể gửi đến cho **Cha Phaolo Hồ Phước Lành**

Cha Sở Họ Phước Lễ (Phước Tuy). Gửi sớm chừng nào hay chừng nấy, để tiện bề tổ chức.

Chương trình lễ kỷ niệm bách chu niên sẽ được thông báo sau.

Phước Lễ ngày 26 tháng 5 năm 1960

Joseph Phạm Văn Thiên	Giám đốc chủ viện Lê Bảo Tịnh.
Giacôbê Nguyễn Ngọc Quang	Bổn sở họ Vĩnh Long
Phêrô Nguyễn Thành Thông	Bổn sở họ Mỹ Tho
Gicôbê Nguyễn Văn Mầu	Giáo sư chủng viện SaiGon
Phaolô Huỳnh Ngọc Tiên	Bổn sở họ Thủ Thiêm
Phêrô Phạm Văn Triều	Giáo sư chủng viện SaiGon
Bê-nê-đi-tô Nguyễn Tri Phương	Bổn sở họ Đất Đỏ
Giacôbê Lê Văn Tô	Bổn sở họ Phụng Hiệp

Và quới chức Họ Phước Lễ



BẢN DANH SÁCH

400 GIÁO HỮU CHẾT THIÊU TRONG NGỤC

Ngày 8 tháng Giêng (D1) năm 1862

Ngày 17 tháng 7 (ÂL), vào khám

Ngày 17 tháng Chạp đốt khám. Năm Tân Dậu (1862)

Số	Tên	Tuổi	Ngục	Kẻ khai
HỌ DINH				
1	SANH Matthêu	74	Phước Lễ	Người con là bà Điều
2	ĐIỂM Antôn	73	”	Con: Biện Cửa chung
3	RANG Đôminicô	63	”	Câu Lợi
4	TRUNG Luđôvicô	58	”	Con là Thị Thọ
5	QUẢNG Phêrô	57	”	Con là Biện Thắng
6	ĐƯỜNG Gioan	51	”	Câu Lợi
7	CÚT Micae	50	”	Bà Trùm Nên
8	VIỄN Phêrô	50	”	Biện Vang
9	TỐI Phaolô	50	”	Biện Nhờ
10	VÌ Micae	48	”	Con là Thị Sang
11	BẶNG Phêrô	47	”	Con là Bếp Tịnh
12	ĐẠO Phêrô	45	”	Câu Lợi



13	KÊ Gioan B.	45	”	Biện Vang
14	MAI Phêrô	45	”	Thị Suốt
15	Toán Anrê	43	”	Thị Suốt
16	QUYNH Gioakim	42	”	Thị Tước
17	NGÃI Phanxicô	42	”	Con là Thơm
18	KỶ Gioakim	40	”	Con là thị Loan
19	SỰ Phêrô	40	”	Con là Biện Liệu
20	TÊCH Phêrô	35	”	Vợ: Thị Nghi
21	NÊN Phêrô	40	”	Con: Thị Miễn
22	CHÁNH Matthêu	30	”	Con: Thị Thân
23	LỤC Antôn	29	”	Biện Qui
24	VŨNG Anrê	27	”	Cháu: Thầy Cút
25	HẬU Phaolô	30	”	Vợ: Thị Thủ
26	NHIÊN Gioan Bta	28	”	Biện Thắm
27	SỰ Antôn	27	”	Biện Vang
28	CẬN Phaolô	27	”	Con: Đò
29	QUỐI Têphanô	25	”	Con: Mai
30	TẠ Phaolô	22	”	Thị Lượng
31	NHƠN Đôminicô	21	”	Biện Thắm
32	LỘC Phêrô	20	”	Biện Thắm



33	LIỄU Micae	18	”	Con: Thầy Cát
34	NHÒN Phaolô	15	”	Ba Tình
35	BAN Gioan Bta	15	”	Biện Nờ
36	CHÍNH Gioakim	14	”	Anh của Thị Đạo
37	CAO Gioan Bta	14	”	Thị Suốt
38	TRÍ Giacôbê	10	Long Kiên (chết theo mẹ trong ngục)	Con Thầy Cát
39	ĐƯỢC Giacôbê	10		Biện Vang
40	THẨM Phêrô	8		Con Thầy Cát
41	TOAN Bênadô	5		Thị Suốt
42	SÁNG Luđovicô	8	Long Điền	Ông Trùm Vị
43	HIẾU Antôn	54	(Chết trong khám)	Thị Sứ
44	NHỰT Phaolô	20	Biên Hòa	Thị Sứ
45	ĐẶNG Bênadô	5	Phước Thọ	Thị Sứ
46	TRƯỚC Maria	63	Long Điền	Thị Lượng
47	MÃI Anna	60	”	Thị Lượng
48	MÃI Maria	45	”	Thị Nên
49	GIÀU Maria	45	Long Kiên	Vợ Thầy Cát
50	THẨM Maria	40	”	Biện Vang
51	TUNG Maria	39	”	Thị Suốt
52	PHƯỚC Matta	37	”	Thị Quý



53	LÝ Maria	36	”	Bà Tĩnh
54	HUÊ Isave	35	”	Biện Vang
55	ĐẦY Maria	33	Long Điền	Thị Lượng
56	NHẠN Maria	28	”	Bà Điều
57	SÓC Maria	25	Long Kiên	Biện Thám
58	NGÂN Anna	22	Long Điền	Thị Lượng
59	LIỄU Anna	17	”	Thị Lượng
60	NÊN Anna	16	Long Kiên	Con Thầy Cút
61	LỢI Maria	16	Long Điền	Biện Chung
62	MƯỜU Maria	14	Long Kiên	Con Thầy Cút
63	KÊ Agata	13	”	Con Thầy Cút
64	LIỄU Matta	13	Long Điền	Thị Nên
65	PHƯỚC Maria	8	”	Thị Lượng
66	CHỮ Maria	7	Long Kiên	Thị Quý
67	LÀNH Maria	5	”	Thị Quý
68	PHƯỚC Maria	5	Long Điền	Thị Nên
69	BÀNG Anê	4	Long Kiên	Con Thầy Cút
70	LỢI Luxia	3	”	Biện Vang
71	AN Maria	2	”	Bà Thịnh
72	NGUYỆT Madalena	1	”	Bà Thịnh



73	THƯỢNG Maria	6	”	Thị Sóc
74	HIỆU Maria	15	(Chết khám Biên Hòa)	Thị Sửu
75	HIỀN Maria	8	Long Kiên	Thị Quý
HỌ THÀNH				
76	ĐANG Laurensô	65	Phước Lễ	Thị Thạnh
77	LOAN Phanxicô	60	”	Thị Bơ
78	NGÃI Phêrô	60	”	Thị Thạnh
79	NGÂN Phêrô	56	”	Thị Hiếu
80	MUI Antôn	55	”	Thị Thân
81	HƯƠNG Thôma	55	”	Thị Nhạn
82	MUA Phaolô	53	”	Thị Thạnh
83	THÃNH Phaolô	51	”	Thị Hữu
84	QUỐI Antôn	50	”	Thị Hữu
85	CƯỜNG Micae	46	”	Thị Chử
86	THỂ Antôn	45	”	Thị Chử
87	TÌNH Antôn	38	”	Thị Hữu
88	ĐÁ Thôma	35	”	Sơn Núc Nguy
89	LỘC Phaolô	32	”	Họ Đông
90	PHÊ Antôn	32	”	Thị Hữu



91	NGŨ Anrê	32	”	Thị Hòa
92	LỄ Đôminicô	30	”	Họ Đông
93	NHƠN Phanxicô	30	”	Hạp Ban
94	HỌC Phêrô	30	”	Thị Hữu
95	HAY Antôn	30	Phước Lễ	Thị Nhận
96	TÌNH Phaolô	27	”	Thị Hòa
97	HUỶNH Gioan Bta	27	”	Thị Thân
98	NHIÊN Gioan Bta	27	”	Thị Hữu
99	THI Phaolô	25	”	Biện Trạn
100	XÔNG Antôn	25	”	Thị Hữu
101	TẤN Anrê	24	”	Thị Hiếu
102	CAO Antôn	22	”	Thị Hữu
103	KỶ Thôma	21	”	Thị Hữu
104	XẠ Phaolô	21	”	Thị Hữu
105	VĂN Phaolô	20	”	Thị Hòa
106	BÁU Phanxicô	20	”	Thị Cửa
107	VIỆN Phaolô	20	”	Thị Cửa
108	SOI Phêrô	18	”	Thị Hiếu
109	TỰ Matthêu	18	”	Thị Hòa
110	MUỖ Antôn	18	”	Thị Hữu



111	KẾ Antôn	17	”	Thị Hữu
112	HUỆ Antôn	17	”	Thị Hiếu
113	LONG Laurensô	17	”	Thị Hiếu
114	CHUNG Gioan	17	”	Họ Đông
115	TAM Gioan	16	”	Họ Đông
116	HIẾN Phaolô	16	”	Thị Thạnh
117	TÁNH Phêrô	15	”	Thị Hiếu
118	BÁ Gioan	13	”	Thị Bơ
119	NHỤT Thôma	13	”	Thị Thân
120	Ý Phaolô	13	”	Thị Thạnh
121	CỬA (Nhi) Antôn	41	”	Văn Quý
122	VAN Gioan	10	Phước Thọ	Thị Hiếu
123	SỬU Phaolô	10	Long Kiên	Thị Hiếu
124	SÁU Phêrô	9	”	Thị Hiếu
125	BẢY Phaolô	7	”	Thị Hiếu
126	BIỆU Antôn	6	Phước Thọ	Thị Hiếu
127	NHI Phaolô	2	Long Kiên	Thị Hiếu
128	TRƯỚC Antôn	1	Phước Thọ	Thị Hòa
129	SAU Antôn	1	Phước Thọ	(anh em sinh đôi trong ngục)
130	TỈNH Matthêu	1	Long Kiên	Thị Cửa



131	LIỆU Maria	76	”	Thị Thạnh
132	ĐẶNG Matta	60	Long Điền	Thị Sang
133	LÀNH Catarina	55	Long Điền	Hạp Ban
134	HẠNH Maria	55	Long Kiên	Thị Hữu
135	HIỀN Maria	35	”	Thị Hiếu
136	TÙNG Luxia	35	”	Thị Thạnh
137	LỄ Maria	35	”	Thị Chữ
138	ĐUỐC Annê	30	Long Điền	Thị Bui
139	NGÃI Maria	27	Long Kiên	Thị Hiếu
140	BẰNG Matta	24	”	Thị Thạnh
141	GIAO Matta	22	”	Thị Thạnh
142	ẨN Luxia	15	”	Thị Hiếu
143	VĂN Luxia	12	”	Thị Hiếu
144	NGƯỜN Matta	12	”	Quý Sài Gòn
145	TÂM Phanxica	8	”	Trùm Thục
146	TOÀN Phanxica	7	”	Thị Thục
147	NỮ Maria	4	”	Thị Hiếu
148	QUYÊN Anna	9	Phước Thọ	Thị Hòa
149	ĐI Maria	3	”	Thị Hiếu
150	MAU Anna	2	”	Thị Hiếu



151	XUÂN Maria	8	Long Điền	Thị Bui
HỌ THÔN				
152	SONG Phaolô	60	Phước Lễ	Bà Câu Đa
153	HỌC Gioakim	59	”	Biện Thơ
154	SÁU Phêrô	55	”	Biện Luân
155	ĐẶNG Gioan	54	”	Bà Trùm Bền
156	SÁCH Giuse	50	”	Biện Viết
157	NỘI Giacôbê	50	”	Biện Luân
158	THUỘC Giacôbê	50	”	Thị Biệt
159	HUỆ Gioakim	50	”	Thị Nhiễu
160	TÀI Phaolô	49	”	Trùm Lăng
161	HỮU Alêxi	48	”	Thị Sang
162	TẠ Phêrô	46	”	Danh Sự
163	QUỖN Gioan Bta	44	”	Thị Quới
164	SỐM Gioan	43	”	Thị Lúa
165	XUÂN Phaolô	42	”	Biện Nhờ
166	NGHĨA Phaolô	42	”	Biện Được
167	TÀU Phaolô	41	”	Câu Độ
168	TỀ Gioakim	41	”	Thị Sáng
169	THỀ Gioan	41	”	Biện Thiết



170	Ý Phaolô	40	”	Thị Sắc
171	ĐIỀU Anrê	40	”	Văn Cùa
172	ĐIÊN Gioakim	40	”	Văn Lắm
173	VÕ Martino	40	”	Biện Viết
174	QUÍ Gioakim	39	”	Thị Tri
175	VĂN Đôminicô	38	”	Biện Luân
176	DỰA Philipphê	37	”	Thị Nương
177	LÒNG Têphanô	37	”	Thị Tri
178	DÒNG Gioan Bta	36	”	Thị Tri
179	VIỆC Anrê	36	”	Thị câu Kỳ
180	CHIẾN Phaolô	36	”	Thị Phiên
181	HÀN Phêrô	35	”	Thị Sai
182	ĐẶNG Phanxicô	30	”	Biện Ngụy
183	THANH Phaolô	30	”	Thị Đầu Chôn
184	CHIÊU Giuse	30	”	Biện Thơ
185	SANH Giuse	29	”	Thị Bên
186	NÓI Phanxicô	29	”	Câu Long
187	NGHỊ Phaolô	29	”	Thị Giả
188	AN Phêrô	28	”	Thị Giả
189	TRƯỜNG Thôma	17	”	Thị Luân



190	ĐẦU Gioan	26	”	Câu Long
191	NÔM Anrê	25	”	Trùm Lung
192	VUI Anrê	25	”	Thị Ràng
193	THÀNH Đôminicô	25	”	Thị Đảo
194	ĐẾN Phêrô	22	”	Biện Nhờ
195	BIÊN Anrê	22	”	Thị Kiển
196	VỀ Phaolô	21	”	Thị Phàng
197	LÀNH Gioakim	20	”	Thị Nhiễu
198	VƯỜN Gioakim	19	”	Thị Giả
199	THẠNH Phêrô	18	”	Thị Kiển
200	HÈ Anrê	18	”	Thị Câu Kỳ
201	CAM Giuse	18	”	Thị Bình
202	TỔ Gioan Bta	18	Phước Lễ	Thị Nhon
203	QUỖN Phêrô	15	”	Biện Được
204	HỮU Phêrô	14	”	Thị Câu Kỳ
205	VỪA Anrê	12	”	Thị Giả
206	HAY Phaolô	10	Phước Thọ	Biện Được
207	TÍNH Giuse	2	Long Điền	Biện Phên
208	VẬY Antôn	2	Long Kiên	Thị Thành
209	LẮM Phêrô	2	”	Thị Thành



210	HỮU Agata	65	”	Thị Câu Độ
211	HỒN Agata	60	”	Thị Hữu
212	VIỆT Maria	55	”	Thị Giả
213	NGỖI Matta	50	”	Thị Thịnh
214	THANH Madalena	40	”	Câu Long
215	SƯƠNG Madalena	45	Phước Thọ	Biện Đượ
216	VÂN Maria	37	”	Thị Thuận
217	CHỮ Maria	35	Long Kiên	Thị Chất
218	LẠI Matta	32	”	Thị Câu Ngụ
219	MAI Maria	32	”	Thị Sắc
220	SỎ Madalena	32	Phước Thọ	Thị Câu Kỳ
221	TỬ Madalena	24	”	Thị Thịnh
222	NGHIÊM Anna	24	Long Kiên	Thị Giả
223	ỚI Annê	23	”	Thị Giả
224	ĐỀ Maria	19	”	Biện Hườn
225	Thuyền Maria	18	”	Thị Chất
226	VẬY Agata	18	”	Thị Giả
227	ÉN Anna	17	”	Thị Thịnh
228	QUYÊN Maria	14	”	Thị Chất
229	VỰA Matta	10	”	Thị Sái



230	HỮU Annê	10	Phước Thọ	Văn Sự
231	MÈO Maria	6	Long Kiên	Thị Sái
232	CHỐN Madalena	6	”	Thị Đính
233	ĐẶNG Anna	5	”	Thị Chất
234	CHUỘT Agata	3	”	Thị Sái
235	THẠNH Maria	2	”	Thị Giá
236	LỢI Madalena	1	”	Thị Giá
237	MỐI Maria	1	Phước Thọ	Thị Sóc
238	LÚA Anna	2	Long Kiên	Thị Sóc
HỌ ĐẤT ĐỎ				
239	VỆ Giuse	75	Phước Lễ	Trùm Thảo
240	HIỆP Phaolô	75	”	Thị Minh
241	ĐÔNG Phaolô	70	”	Văn Lỗi
242	TỎ Antôn	70	”	Thị Thịnh
243	VỤ Phêrô	60	”	Biện Tân
244	VIỆN Phêrô	60	”	Thị Câu Quần
245	TOÀN Phêrô	60	”	Giáp Văn
246	SÁNG Gioan	60	”	Biện Phước
247	TÂY Giuse	60	”	Biện Lắm
248	THỌ Phaolô	58	”	Thị Viên



249	KIẾNG Thôma	57	”	Thị Quới
250	THÔN Têphanô	57	”	Thị Đường
251	NHAN Phêrô	55	”	Biện Thị
252	HẢO Phanxicô	54	”	Thị Lợi
253	QUẾ Thôma	54	”	Thị Đậu
254	SƠN Phaolô	52	”	Thị Thơm
255	VIÊN Gioan	52	”	Thị Thuýền
256	CÂN Phaolô	50	”	Văn Đồng
257	PHƯỚC Phanxicô	50	”	Sư Từ
258	ĐỊNH Antôn	50	”	Thị Bài
259	MÙA Gioan	50	”	Thị Ruộng
260	MINH Phanxicô	50	”	Thị Kính
261	NGUỒN Antôn	50	”	Thị Thành
262	VĂN Thôma	50	”	Giáp Vừa
263	THƯỜNG Đôminicô	50	”	Thị Qui
264	THƯỜNG Phêrô	50	”	Biện Hiện
265	LÝ Phêrô	49	”	Trùm Thảo
266	TÌNH Phaolô	48	”	Thị Lốc
267	HUỆ Phêrô	47	”	Thị Mọi
268	MAI Têphanô	47	”	Câu Mùi



269	CỬA Gioakim	47	”	Biện Lập
270	CHÓT Phêrô	47	”	Câu Mùi
271	GIĂNG Giuse	45	”	Thị Giáo
272	ĐIỀM Phaolô	45	”	Vợ Câu Lành
273	HẬU Phêrô	45	”	Thị Ân
274	MÙA Đôminicô	44	”	Thị Hiền
275	HUYỀN Giacôbê	44	”	Câu Mùa
276	LONG Phaolô	43	”	Biện Hườn
277	NGÃI Têphanô	43	”	Thị Thọ
278	TẠO Giuse	42	”	Thị Hôn
279	NGÃI Phêrô	42	”	Thị Nhiên
280	MƯỜNG Phanxicô	41	”	Thị Đông
281	CỬA Phêrô	40	”	Thị Tình
282	LOAN Gioan	40	”	Thị Hương
283	CHUỘT Gioan Bta	40	”	Thị Sự
284	TIỀN Gioan	40	”	Thị Câu Ngãi
285	THANG Antôn	40	”	Thị Sắc
286	SANG Gioan	40	”	Thằng Oai
287	NHÂN Giuse	40	”	Thị Nguyễn
288	YẾN Đôminicô	40	”	Danh ?



289	MỌI Thôma	50	”	Biện Định
290	TRI Phêrô	38	”	Thị Tình
291	QUỐN Giacôbê	38	”	Thị Luân
292	QUỐN Gioan Bta	37	”	Thị Mườì
293	THÂN Vincentê	38	”	Thị Quý
294	HẦM Giacôbê	35	”	Biện Việc Muôn
295	ÚT Phêrô	35	”	Thị Câu Quá
296	HỌC Phaolô	35	”	Danh Sỏi
297	SỐC Giacôbê	35	”	Thầy Lịch
298	LẮM Gioakim	35	”	Thị Vân
299	NGŨ Thôma	35	”	Thị Cẩn
300	LỢI Thôma	35	”	Biện?
301	BẰNG Giacôbê	35	”	?
302	HÒA Phêrô	35	”	?
303	LẮM Anrê	34	”	?
304	LÀNH Giuse	34	”	?
305	NĂM Phanxicô	33	”	Thị Sóc
306	TIÊN Phêrô	32	”	Thị Cung
307	SỎI Micae	32	”	Thị Đậu
308	NHIÊN Antôn	32	”	Thị Viên



309	NHIÊN Phêrô	32	”	Thị Giáo
310	LIỄN Micae	32	”	Biện ?
311	HẠNH Giacôbê	32	”	Thị ?
312	DƯ Giacôbê	32	”	Thị ?
313	NHIỀU Phaolô	30	”	Thị ?
314	LÚA Giuse	30	”	Thị ?
315	QUỚI Phaolô	30	”	Thị ?
316	NHUỜNG Gioakim	30	”	Biện Thiện
317	NHẪN Gioan Bta	28	”	Thị Ruộng
318	NGUYỄN Phêrô	28	”	Biện Hiệu
319	BÀI Gioan	28	”	Biện Hiệu
320	TÀI Phêrô	28	”	Thị Vẹn
321	AN Phaolô	28	”	Thị Biên
322	VƯA Gioakim	27	”	Biện Lắm
323	SỰ Gioakim	27	”	Biện Phước
324	VIỄN Giuse	27	”	Thị Quý
325	KHẪM Phaolô	25	”	Biện Lắm
326	CHỢ Giacôbê	25	”	Thị Câu Quán
327	HỮU Phêrô	25	”	Biện Hiệu
328	VIỄN Giacôbê	24	”	Thị Đường



329	CHÍNH Phaolô	24	”	Trùm Thảo
330	ĐIÊN Phêrô	24	”	Thị Viêng
331	CHỨA Phêrô	24	”	Thị Thơm
332	ME Gioakim	22	”	Thị Ngựa
333	THO Phêrô	20	”	Thị Bào
334	MÙA Giuse	17	”	Thị Giao
335	NHÃN Anrê	17	”	Thị Thiên
336	XỒM Gioan	17	”	Thị Thuộc
337	TƯỜNG Thôma	16	”	Thị Tinh
338	ĐIÊN Gioan	15	”	Danh Đồng
339	NHÀN Phêrô	15	”	Thị Đậu
340	ĐỆ Phêrô	15	”	Thị Thuyền
341	É Giacôbê	14	”	Thị Viên
342	ĐOÀN Thôma	13	”	Thị Đường
343	SỬ Thôma	13	”	Biện Lập
344	HẠNH Gioan	12	”	Biện Từ
345	MỌI Phanxicô	12	”	Thị Hôn
346	HÈN Phêrô	45	”	Thị Luôn
347	HẠ Phaolô	15	”	Thị Luôn
348	PHỤNG Phanxicô	11	Long Kiên	Biện Hường



349	PHỤNG Antôn	10	”	Thị Câu Quán
350	CHỨC Giacôbê	10	Long Điền	Thị Sự
351	GIAO Micae	9	Long Kiên	Biện Hường
352	BAN Phêrô	8	Long Điền	Thị Sự
353	NHỚ Carôlô	9	Long Kiên	Thị Quá
354	LƯƠNG Giacôbê	5	”	Thị Sự
355	LẮM Phêrô	4	”	Thị Sự
356	NGÀN Phaolô	4	”	Thị Sự
357	VỊ Gioan	3	”	Thị Ruộng
358	BẦY Phaolô	3	”	Biện Dược
359	DỮNG Phaolô	3	”	Biện Phước
360	CĂN Đôminicô	22	Phước Lễ	Thị Quyền
361	QUẢNG Phaolô	10	”	Thị Nờ
362	NỖ Maria	75	Long Điền	Thị Tấn
363	ĐÁNG Matta	72	Phước Thọ	Thị Hào
364	LỄ ANê	65	Long Kiên	Thị Nhiều
365	HUỆ Madalena	60	”	Biện Thiện
366	LÝ Maria	55	Long Điền	Thị Hảo
367	CẬY Maria	55	”	Biện Lắm
368	BẦY Maria	52	Phước Thọ	Thị Mọi



369	ĐÔNG Matta	52	Long Kiên	Thị Đậu
370	NHIỀU Catarina	50	Phước Thọ	Biện Hườn
371	LÀO Madalena	50	Long Kiên	Biện Đước
372	MAI Maria	48	Long Điền	Thị Hiệp
373	NHƠN Anna	48	Long Kiên	Biện Hiệu
374	LÝ Maria	48	”	Trùm Vi
375	LIỄU Maria	45	Phước Thọ	Sư Từ
376	LẬP Maria	40	Long Kiên	Danh Tứ
377	MÁNG Madalena	39	”	Thị Hương
378	BÔNG Madalena	38	Phước Thọ	Biện Định
379	ĐẶNG Matta	37	”	Thị Vân
380	MIÊN Maria	36	Long Điền	Thị Sự
381	SON Maria	36	Long Kiên	Biện Định
382	ĐÔNG Madalena	35	”	Thị Câu Ngải
383	PHÚ Anna	33	Phước Thọ	Thị Sử
384	HỘI Anna	30	Long Điền	Biện Danh
385	SỸ Madalena	28	Long Kiên	Biện Thiện
386	LÁNG Anna	27	”	Biện Đước
387	NHIỀU Maria	24	”	Thị Sắc
388	VÂN Luxia	20	”	Biện Tiên



389	QUỐI Madalena	18	”	Thị Qui
390	GIÀU Maria	16	”	Biện Tiên
391	MIÊN Madalena	14	Long Điền	Thị Hảo
392	BỒN Maria	12	Phước Thọ	Thị Sự
393	TINH Maria	7	Long Điền	Biện Định
394	YÊN Anna	4	Long Kiên	Biện Danh
395	DƯỠN Maria	4	Long Điền	Biện Hương
396	LOAN Maria	2	”	Biện Hương
397	PHONG Anê	2	Long Kiên	Thị Cẩn
398	CHỢ Maria	1	”	Thị Quá
399	THÀNH Maria	1	”	Biện Phước
400	VỊ Anna	3	”	Văn Thụ

Ký tên: R.P. ERRARD (Cha Y)

